

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /TTr-UBND

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

**TỜ TRÌNH**

**Đề nghị ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định  
bảng giá đất lần đầu để công bố và áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2026  
trên địa bàn thành phố Hà Nội**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được  
sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số  
43/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15,  
Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15  
và Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024;  
số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 và số  
226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025;

Trên cơ sở các Quyết định của UBND Thành phố: số 55/2024/QĐ-UBND  
ngày 06/9/2024 của UBND Thành phố về việc ban hành Quy định một số nội  
dung thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố về xác định giá đất cụ  
thể trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 40/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của  
UBND Thành phố về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các quy định liên quan  
đến đất đai trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 1770/QĐ-UBND ngày 27/3/2025  
của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt Dự án xây dựng Bảng giá đất để  
công bố và áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026 trên địa bàn thành  
phố Hà Nội.

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 991/TTr-  
SNNMT ngày 19/11/2025 về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quyết định bảng  
giá đất lần đầu để công bố và áp dụng từ ngày 01/01/2026 trên địa bàn thành phố  
Hà Nội và thông báo thẩm định số 1976/HĐTĐBGĐ-STC ngày 19/11/2025 của  
Hội đồng thẩm định Bảng giá đất;

UBND Thành phố kính trình HĐND Thành phố dự thảo Nghị quyết về việc  
quyết định bảng giá đất lần đầu để công bố và áp dụng từ ngày 01/01/2026 trên  
địa bàn thành phố Hà Nội, cụ thể như sau:

## **I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT**

### **1. Cơ sở chính trị, pháp lý**

Theo quy định tại khoản 3 Điều 159 Luật Đất đai năm 2024, phần IV Phụ lục I Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 6 Điều 7 Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ quy định: Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định bảng giá đất lần đầu để công bố và áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung bảng giá đất hằng năm để công bố và áp dụng từ ngày 01 tháng 01 của năm tiếp theo.

### **2. Cơ sở thực tiễn**

Hiện nay, Bảng giá đất đã được UBND Thành phố ban hành, quy định tại các Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019; số 20/2023/QĐ-UBND ngày 07/9/2023; số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024. Tuy nhiên, để đảm bảo các nguyên tắc theo quy định tại Điều 158 và Điều 159 Luật Đất đai năm 2024, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm tham mưu, giúp UBND Thành phố tổ chức việc xây dựng bảng giá đất, trình UBND thành phố để trình HĐND Thành phố quyết định bảng giá đất để công bố và áp dụng từ ngày 01/01/2026 trên địa bàn thành phố Hà Nội.

## **II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT**

### **1. Mục đích ban hành Nghị quyết**

Ban hành Nghị quyết về việc quy định bảng giá đất lần đầu để công bố và áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 trên địa bàn thành phố Hà Nội.

### **2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết**

Việc xây dựng Nghị quyết phải đảm bảo quy định pháp luật về đất đai, quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp và quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

## **III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO**

### **1. Chuẩn bị xây dựng bảng giá đất:**

Ngày 19/3/2025, Sở Nông nghiệp và Môi trường có Tờ trình số 37/TTr-SNNMT về việc phê duyệt Dự án xây dựng Bảng giá đất để công bố và áp dụng từ ngày 01/01/2026 trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Ngày 27/3/2025, UBND Thành phố có Quyết định số 1770/QĐ-UBND về việc phê duyệt Dự án xây dựng Bảng giá đất để công bố và áp dụng từ ngày 01/01/2026 trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Ngày 11/7/2025, Sở Nông nghiệp và Môi trường có Quyết định số 980/QĐ-SNNMT về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu qua mạng của gói thầu số 01: Tư vấn xây dựng Bảng giá đất để công bố và áp dụng từ ngày 01/01/2026 trên địa

bàn thành phố Hà Nội;

Ngày 22/7/2025, Sở Nông nghiệp và Môi trường và Công ty Cổ phần Thẩm định giá và Thương mại VIC ký Hợp đồng số HD2500114289\_2507211525 về việc Tư vấn xây dựng bảng giá đất để công bố và áp dụng từ ngày 01/01/2026 trên địa bàn thành phố Hà Nội;

## **2. Lấy ý kiến đối với dự thảo bảng giá đất:**

Ngày 20/10/2025, Công ty Cổ phần Thẩm định giá và Thương mại VIC có dự thảo bảng giá đất, dự thảo Báo cáo thuyết minh xây dựng bảng giá đất gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Ngày 23/10/2025, Sở Nông nghiệp và Môi trường đăng hồ sơ lấy ý kiến đối với dự thảo bảng giá đất trên trang thông tin điện tử gồm: Dự thảo Tờ trình về việc ban hành bảng giá đất; Dự thảo bảng giá đất; Dự thảo Báo cáo thuyết minh xây dựng bảng giá đất; Ngày 05/11/2025, Sở Nông nghiệp và Môi trường đăng hồ sơ lấy ý kiến lần 2 đối với dự thảo bảng giá đất.

Ngày 27/10/2025, Sở Nông nghiệp và Môi trường có Văn bản số 8561/SNNMT-KTĐ gửi các Sở Tài chính, Xây dựng, Tư pháp, Quy hoạch - Kiến trúc, Văn hóa và Thể thao; Thuế thành phố Hà Nội; UBND các xã, phường trên địa bàn Thành phố; Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội và các Chi nhánh; Tổ chức thực hiện định giá đất trên địa bàn Thành phố. Theo đó: “... Văn bản tham gia ý kiến bằng gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường trước ngày 15/11/2025 (góp ý chi tiết tại biểu, mẫu kèm theo). Trường hợp quá thời hạn trên, các đơn vị không có Văn bản tham gia ý kiến thì coi như thống nhất với nội dung dự thảo và chịu hoàn toàn trách nhiệm về các nội dung liên quan đến xây dựng Bảng giá đất theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình.”;

Ngày 14/11/2025, Sở Nông nghiệp và Môi trường có Văn bản số 9527/SNNMT-KTĐ gửi Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội;

Ngày 17/11/2025, Sở Nông nghiệp và Môi trường có Văn bản số 9554/SNNMT-KTĐ gửi tổ chức công chứng nhà nước trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Trên cơ sở ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, ngày 17/11/2025, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã có Văn bản số 9553/SNNMT-KTĐ gửi Tổ chức thực hiện định giá đất về việc tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý, hoàn thiện dự thảo bảng giá đất và Báo cáo thuyết minh xây dựng bảng giá đất.

Ngày 17/11/2025, Tổ chức thực hiện định giá đất đã tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Bảng giá đất và có Báo cáo thuyết minh xây dựng bảng giá đất số 1656/2025/BC-VIC gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường (Chi tiết tại phụ lục đính kèm).

## **3. Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Hội đồng thẩm định bảng giá đất Thành phố:**

Căn cứ Luật Đất đai 2024; Các Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024, số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 và số 226/2025/NĐ-CP ngày

15/8/2025 của Chính phủ về việc quy định về giá đất; Trên cơ sở ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức; Báo cáo thuyết minh xây dựng bảng giá đất và dự thảo bảng giá đất của Công ty Cổ phần Thẩm định giá đất và Thương mại VIC.

Ngày 17/11/2025, Sở Nông nghiệp và Môi trường có Tờ trình số 984/TTr-SNNMT kèm theo hồ sơ gửi Hội đồng thẩm định bảng giá đất Thành phố về việc xây dựng bảng giá đất lần đầu để công bố và áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Ngày 17/11/2025, Sở Nông nghiệp và Môi trường có Văn bản số 9561/SNNMT-KTĐ kèm theo hồ sơ gửi Sở Tư pháp về việc thẩm định Dự thảo Nghị quyết quy định bảng giá đất lần đầu để công bố và áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 trên địa bàn thành phố Hà Nội.

#### **4. Kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định bảng giá đất Thành phố và Sở Tư pháp:**

Ngày 19/11/2025, Sở Tư pháp có Báo cáo số 348/BC-STP về việc Thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định về Bảng giá đất lần đầu để công bố và áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Ngày 19/11/2025, Hội đồng thẩm định bảng giá đất Thành phố có Văn bản số 1976/HĐTĐBGĐ-STC về việc thông báo kết quả cuộc họp Hội đồng thẩm định bảng giá đất lần đầu để công bố và áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 trên địa bàn thành phố Hà Nội.

#### **5. Tiếp thu, giải trình, chỉnh sửa và hoàn thiện dự thảo bảng giá đất:**

Ngày 19/11/2025, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã có Văn bản số 9670/SNNMT-KTĐ gửi Công ty Cổ phần Thẩm định giá và Thương mại VIC về việc hoàn thiện dự thảo bảng giá đất;

Ngày 19/11/2025, Công ty Cổ phần Thẩm định giá và Thương mại VIC có Báo cáo số 1666/2025/BC-VIC về việc báo cáo thuyết minh xây dựng bảng giá đất, dự thảo bảng giá đất và các báo cáo tiếp thu, giải trình gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường.

### **IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

#### **1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

##### **a. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định về bảng giá đất lần đầu để công bố và áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 trên địa bàn thành phố Hà Nội.

##### **b. Đối tượng áp dụng**

b.1. Cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất đai; cơ quan, người có thẩm quyền xác định, thẩm định, quyết định giá đất cụ thể.

b.2. Tổ chức tư vấn xác định giá đất, cá nhân hành nghề tư vấn xác định giá đất.

b.3. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan..

#### **2. Bố cục dự thảo:**

Dự thảo Nghị quyết gồm 6 Điều:

- Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.
- Điều 2. Đối tượng áp dụng.
- Điều 3. Tiêu chí xác định vị trí đất trong bảng giá đất.
- Điều 4. Bảng giá đất.
- Điều 5. Tổ chức thực hiện.
- Điều 6. Hiệu lực thi hành.

### **3. Nội dung Nghị quyết:**

3.1. Dự thảo Nghị quyết quy định một số nội dung: Phạm vi điều chỉnh; đối tượng áp dụng; tiêu chí xác định vị trí đất trong bảng giá đất; bảng giá đất; tổ chức thực hiện và hiệu lực thi hành.

3.2. Quy định tiêu chí cụ thể để xác định vị trí đất phi nông nghiệp theo khoản 2 Điều 20 Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 226/2025/NĐ-CP. Cụ thể:

3.2.1. Tiêu chí xác định vị trí đất.

- Vị trí 1 (VT1): áp dụng đối với thửa đất có ít nhất một cạnh (mặt) giáp với đường (phố), ngõ có tên trong bảng giá (Sau đây gọi chung là đường có tên trong bảng giá) ban hành kèm theo Quy định này.

- Vị trí 2 (VT2): áp dụng đối với thửa đất có ít nhất một cạnh (mặt) giáp với ngõ, ngách, hẻm, lối đi (sau đây gọi chung là ngõ) có mặt cắt ngõ nhỏ nhất (tính từ chỉ giới hè đường hiện trạng có tên trong bảng giá đất tới mốc giới đầu tiên của thửa đất tiếp giáp với ngõ) từ 3,5m trở lên.

- Vị trí 3 (VT3): áp dụng đối với thửa đất có ít nhất một cạnh (mặt) giáp với ngõ có mặt cắt ngõ nhỏ nhất (tính từ chỉ giới hè đường hiện trạng có tên trong bảng giá đất tới mốc giới đầu tiên của thửa đất tiếp giáp với ngõ) từ 2m đến dưới 3,5m.

- Vị trí 4 (VT4): áp dụng đối với thửa đất có ít nhất một cạnh (mặt) giáp với ngõ có mặt cắt ngõ nhỏ nhất (tính từ chỉ giới hè đường hiện trạng có tên trong bảng giá đất tới mốc giới đầu tiên của thửa đất tiếp giáp với ngõ) dưới 2m.

3.2.2. Tiêu chí xác định vị trí đất đối với các trường hợp đặc biệt:

a) Đối với thửa đất có các mặt (cạnh) tiếp giáp từ hai đường (phố), ngõ trở lên thì giá đất được nhân hệ số như sau:

- Thửa đất có ít nhất 4 cạnh (mặt) tiếp giáp với đường có tên trong Bảng giá đất thì được nhân hệ số  $K = 1,3$  của đường có giá đất cao nhất.

- Thửa đất có 3 cạnh (mặt) tiếp giáp với đường có tên trong Bảng giá đất thì được nhân hệ số  $K = 1,25$  của đường có giá đất cao nhất.

- Thửa đất có 2 cạnh (mặt) tiếp giáp với đường có tên trong Bảng

giá đất thì được nhân hệ số  $K = 1,2$  của đường có giá đất cao nhất.

- Thửa đất có 2 cạnh (mặt) không giao cắt tiếp giáp với đường có tên trong Bảng giá đất thì được nhân hệ số  $K = 1,18$  của đường có giá đất cao nhất.

- Thửa đất có một cạnh (mặt) tiếp giáp với đường có tên trong Bảng giá đất và có ít nhất một cạnh (mặt) khác tiếp giáp với ngõ (có mặt cắt ngõ nhỏ nhất từ 3,5 m trở lên (*tính từ chỉ giới hẻm đường hiện trạng có tên trong bảng giá đất tới mốc giới đầu tiên của thửa đất tiếp giáp với ngõ*)) thì được nhân hệ số  $K = 1,15$  của đường có tên trong Bảng giá đất.

- Thửa đất có một cạnh (mặt) tiếp giáp với đường có tên trong Bảng giá đất và có ít nhất một cạnh (mặt) khác tiếp giáp với ngõ (có mặt cắt ngõ nhỏ nhất từ 2 m đến dưới 3,5 m tính (*tính từ chỉ giới hẻm đường hiện trạng có tên trong bảng giá đất tới mốc giới đầu tiên của thửa đất tiếp giáp với ngõ*)) thì được nhân hệ số  $K = 1,1$  của đường có tên trong Bảng giá đất.

b) Đối với thửa đất tại vị trí 2, vị trí 3 và vị trí 4 tại Phụ lục số 01 đến số 11; Phụ lục số 12 (*Trừ các thửa đất thuộc địa giới hành chính xã Đoàn Phương*) thuộc các khu dân cư cũ (*Không nằm trong khu đô thị mới, khu đấu giá, khu tái định cư, khu nhà ở, cụm công nghiệp hoặc khu công nghiệp*) nếu có khoảng cách theo đường hiện trạng từ mốc giới đầu tiên của thửa đất đến đường có tên trong bảng giá  $\geq 200$ m thì giá đất được giảm trừ như sau:

- Khoảng cách từ 200 m đến 300 m: giảm 5% so với giá đất quy định.
- Khoảng cách từ 300 m đến 400 m: giảm 10% so với giá đất quy định.
- Khoảng cách từ 400 m đến 500 m: giảm 15% so với giá đất quy định.
- Khoảng cách từ 500 m trở lên: giảm 20% so với giá đất quy định.

Đối với thửa đất tại vị trí 2, vị trí 3 và vị trí 4 tại Phụ lục số 12 (*Chỉ áp dụng đối với các thửa đất thuộc địa giới hành chính xã Đoàn Phương*); Phụ lục số 13 đến số 17 thuộc các khu dân cư cũ (*Không nằm trong khu đô thị mới, khu đấu giá, khu tái định cư, khu nhà ở, cụm công nghiệp hoặc khu công nghiệp*) nếu có khoảng cách theo đường hiện trạng từ mốc giới đầu tiên của thửa đất đến đường có tên trong bảng giá  $\geq 200$ m thì giá đất được xác định như sau:

- Khoảng cách từ 200 m đến 300 m: giảm 5% so với giá đất quy định.
- Khoảng cách từ 300 m đến 400 m: giảm 10% so với giá đất quy định.
- Khoảng cách từ 400 m đến 500 m: giảm 15% so với giá đất quy định.
- Khoảng cách từ 500 m trở lên được áp dụng giá đất khu dân cư nông thôn.

c) Đối với các thửa đất của một chủ sử dụng tại các vị trí 2, vị trí 3, vị trí 4 có ngõ nối thông với nhiều đường, phố có giá đất khác nhau thì áp dụng theo vị trí của đường, phố gần nhất. Nếu thửa đất có khoảng cách đến các đường, phố bằng nhau thì áp dụng theo đường phố có mức giá cao nhất.

d) Đối với thửa đất (không nằm trong khu, cụm công nghiệp) có cạnh (mặt)

tiếp giáp với đường, phố, ngõ có chiều sâu thửa đất tính từ chỉ giới hê đường, phố, ngõ > 100 m được chia lớp để tính giá đất như sau:

- Lớp 1: Tính từ chỉ giới hê đường, phố, ngõ đến 100 m tính bằng 100% giá đất quy định.

- Lớp 2: Tính từ chỉ giới hê đường, phố, ngõ từ trên 100 m đến 200 m, giảm 10% so với giá đất của lớp 1.

- Lớp 3: Tính từ chỉ giới hê đường, phố, ngõ từ trên 200 m đến 300 m giảm 20% so với giá đất của lớp 1.

- Lớp 4: Tính từ chỉ giới hê đường, phố, ngõ từ trên 300 m giảm 30% so với giá đất của lớp 1.

Trường hợp thửa đất có nhiều mặt tiếp giáp với nhiều đường, phố, ngõ: Việc chia lớp được tính theo mặt cắt đường, phố, ngõ có giá đất cao nhất.

đ) Trường hợp thửa đất có hình thể đặc thù, bị che khuất (hình L, hình T,...) có mặt (cạnh) tiếp giáp với đường, phố, ngõ thì phần diện tích tiếp giáp với đường, phố, ngõ tính từ mặt tiền đến hết chiều sâu của thửa đất được tính giá đất theo đúng vị trí, mục đích quy định tại các tiết a, b, c, d điểm 2.2 Khoản 2 Điều 3 và Điều 4 Nghị quyết định này; phần diện tích còn lại giá đất được áp dụng hệ số K như sau:

- Thửa đất (khu đất) có vị trí 1:  $K = 0,9$  của giá đất theo quy định.
- Thửa đất (khu đất) có vị trí 2:  $K = 0,8$  của giá đất theo quy định.
- Thửa đất (khu đất) có vị trí 3, vị trí 4:  $K = 0,7$  của giá đất theo quy định.

e) Đối với các thửa đất có vị trí 1, vị trí 2 và vị trí 3: Giá đất trung bình của cả thửa đất sau khi áp dụng hệ số K hoặc chia lớp tại các tiết d, đ điểm 2.2 Khoản 2 Điều này không thấp hơn giá đất vị trí liền kề của đường, phố, ngõ áp dụng để chia lớp và giá đất theo vị trí của các đường, phố, ngõ tiếp giáp còn lại (*trường hợp thấp hơn áp dụng theo giá đất vị trí liền kề cao nhất*).

g) Trường hợp các thửa đất giáp ranh thì giá đất được xác định theo vị trí có mức giá cao nhất; nguyên tắc xác định vị trí và giá đất các trường hợp này tuân thủ các quy định tại các tiết a, b, c, d, đ, e điểm 2.2 Khoản 2 Điều 3 và Điều 4 Nghị quyết định này.

h) Giá đất tại các tuyến đường (phố) chưa có tên trong bảng giá đất ban hành kèm theo quy định này được xác định theo các nguyên tắc tại Khoản 1, 2 Điều này và tương ứng với mức giá đất của đường có tên tương đương trong khu vực.

## **V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ QUYẾT VÀ THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA**

Nguồn kinh phí: Từ nguồn kinh phí ngân sách nhà nước thông qua thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và các khoản thu theo quy định tại Điều 153 Luật Đất đai năm 2024.

Sau khi Nghị quyết ban hành, UBND Thành phố chỉ đạo các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện. Nguồn kinh phí cho công tác triển khai Nghị quyết; công tác giám sát, kiểm tra việc thực hiện các quy định do ngân sách nhà nước chi trả bảo đảm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành.

Thời gian dự kiến UBND Thành phố trình HĐND Thành phố thông qua tại kỳ họp tháng 11 năm 2025 của HĐND Thành phố.

Trên đây là Tờ trình dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định bảng giá đất lần đầu để công bố và áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 trên địa bàn thành phố Hà Nội, Ủy ban nhân dân Thành phố kính trình Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, quyết định./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thường trực Thành ủy;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các PCT UBND Thành phố;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam TP Hà Nội;
- Ban KTNS – HĐND Thành phố;
- Các Sở: NNMT, TC, TP;
- VPUBTP: CVP, Các PCVP,
- Các phòng: KT, NNMT, ĐT, TH;
- Lưu: VT, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Xuân Lưu**